XIV. PHẨM NGƯỜI TỐI THẮNG (*ETADAGGAVAGGA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*Paṭhamavagga*)[32] (*A*. I. 23)

188. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhiều hạ lạp,[33] này các Tỷ-kheo, tối thắng là Aññākoṇḍañña.

189. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāriputta.

190. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thần thông, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāmoggallāna.

191. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hành trì hạnh Đầu-đà, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākassapa.

192. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có Thiên nhãn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Anuruddha.

193. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuộc gia đình quý tộc, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddiya Kāḷigodhāyaputta.

194. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có âm thanh vi diệu, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Lakuṇṭaka (người lùn) Bhaddiya.

195. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta rống tiếng rống sư tử, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Piṇḍolabhāradvāja.

196. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Puṇṇa Mantāṇiputta.

197. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách vắn tắt, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākaccāna.

II. PHẨM THỨ HAI (*Dutiyavagga*) (*A*. I. 24)

198. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Cūḷapanthaka.

199. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tâm thắng tiến,[34] này các Tỷ-kheo, tối thắng là Cūḷapanthaka.

---

[32] Tên phẩm này và 3 phẩm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Pre-Eminent Ones*, nghĩa là *Người tối thắng nhất*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.1-10. 0557a17-0558c07).

[33] *Rattaññūnaṃ*: Bậc Trưởng lão (hiểu biết sự việc trong nhiều năm).

[34] *Cetovivaṭṭa*. Xem *Ps*. I. 108.

200. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tưởng thắng tiến, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāpanthaka.

201. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sống không có sự chống đối, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhūti.

202. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhūti.

203. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tu ở rừng, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Revata Khadiravaniya.

204. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kaṅkhārevata.

205. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇa Koḷivisa.

206. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta khéo nói, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇa Kuṭikaṇṇa.

207. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sīvali.

208. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có tín thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Vakkali.

III. PHẨM THỨ BA (*Tatiyavagga*) (*A*. I. 24)

209. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta ưa thích học tập, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rāhula.

210. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta xuất gia vì lòng tin, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Raṭṭhapāla.

211. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầu tiên có thẻ nhận thức ăn cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kuṇḍadhāna.

212. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có trí thông minh, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Vaṅgīsa.

213. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta dễ mến toàn diện, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Upasena Vaṅgantaputta.

214. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Dabba Mallaputta.

215. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được chư thiên ái mộ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Pilindavaccha.

216. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thắng trí mau lẹ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bāhiya Dārucīriya.

217. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng vi diệu, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kumāra Kassapa.

218. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākoṭṭhita.

IV. PHẨM THỨ TƯ (*Catutthavagga*) (*A*. I. 24)

219. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

220. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ ức niệm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

221. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ cử chỉ tốt đẹp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

222. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ sự kiên trì, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

223. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm thị giả, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

224. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có hội chúng lớn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uruvela Kassapa.

225. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm cho các gia đình hoan hỷ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kāḷudāyī.

226. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta không có bệnh hoạn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bākkula.

227. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sobhita.

228. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta trì Luật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Upāli.

229. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo-ni, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nandaka.

230. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hộ trì các căn môn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nanda.

231. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākappina.

232. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về hỏa giới, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāgata.

233. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta năng khởi biện tài, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rādha.

234. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mogharājā.

V. PHẨM THỨ NĂM (*Pañcamavagga*)[35] (*A*. I. 25)

235. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhiều hạ lạp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāpajāpatī Gotamī.

---

[35] Bản tiếng Anh của PTS: *Women Disciples*, nghĩa là *Nữ đệ tử*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.5.1-5. 0558c21-0559b22).

236. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Khemā.

237. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thần thông, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uppalavaṇṇā.

238. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta trì Luật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Paṭācārā.

239. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Dhammadinnā.

240. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nandā.

241. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇā.

242. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có Thiên nhãn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bakulā.

243. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thắng trí mau lẹ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

244. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhớ đến các thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddā Kāpilānī.

245. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đã chứng đạt đại thắng trí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhadda Kaccānā.

246. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kisāgotamī.

247. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đầy đủ tín thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Siṅgālakamātā.

VI. PHẨM THỨ SÁU (*Chaṭṭhavagga*)[36] (*A*. I. 25)

248. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta quy y đầu tiên, này các Tỷ-kheo, tối thắng là các người buôn bán Tapassu Bhallikā.

249. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika.

250. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Citta Macchikāsaṇḍika.

251. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nhiếp phục hội chúng nhờ Bốn nhiếp pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Hatthaka Āḷavaka.

252. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng vị, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahānāma Sakka.

253. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món đồ khả ý, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Ugga Vesālika.

---

[36] Bản tiếng Anh của PTS: *Lay-Followers*, *Men*, nghĩa là *Nam cư sĩ*.

254. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta hộ trì Tăng chúng, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Hatthigāmaka Uggata.

255. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sūra Ambaṭṭha.

256. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta được dân chúng kính mến, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Jīvaka Komārabhacca.

257. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Nakulapitā.

VII. PHẨM THỨ BẢY (*Sattamavagga*)[37] (*A*. I. 26)

258. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta đi đến quy y đầu tiên, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sujātā Senānīdhītā.

259. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Visākhā Migāramātā.

260. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Khujjuttarā.

261. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta an trú từ tâm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāmāvatī.

262. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uttarā Nandamātā.

263. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng vị, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Suppavāsā Koliyadhītā.

264. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta chăm sóc người bệnh, này các Tỷ-kheo, tối thắng là nữ cư sĩ Suppiyā.

265. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kātiyānī.

266. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là nữ gia chủ Nakulamātā.

267. Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta có lòng tịnh tín đối với lời đồn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kāḷī, nữ cư sĩ ở Kulagharikā.

---

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Lay-Followers*, *Women*, nghĩa là *Nữ cư sĩ*.